CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Hãng Sơn Đông Á

Ngày 30/06/2025	4,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.5%	**-8.0%**	**24.3%**

DT thuần
Q2/25
70.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 14.0| 24.6%
YoY: ▲ 17.5| 32.8%

LN thuần
Q2/25
14.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.6| 698%
YoY: ▲ 12.1| 536%

LN sau thuế
Q2/25
15.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.6| 842%
YoY: ▲ 12.1| 394%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
23.1%
YoY: +/-▲ 18.0%

ROE (TTM)
Q2/25
7.5%
YoY: +/-▲ 3.4%

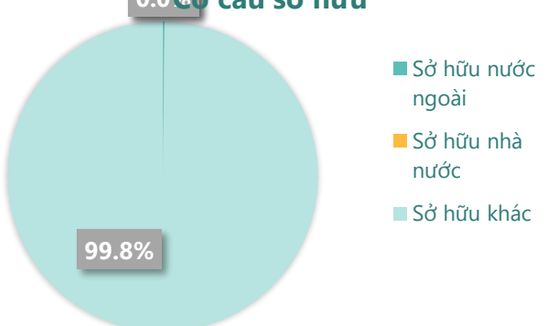
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,600 - 5,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	127
Số lượng CPLH (CP)	27,599,967
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,640
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	1.06
EPS	945
P/E	4.9

DT thuần
6T 2025
128
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.0| 15.2%

LN thuần
6T 2025
16.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 12.4| 314%

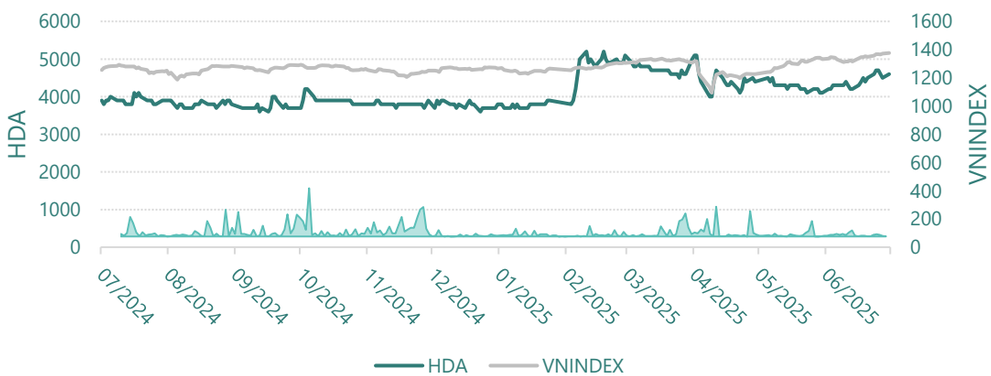
LN sau thuế
6T 2025
16.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.8| 237%

Cơ cấu sở hữu

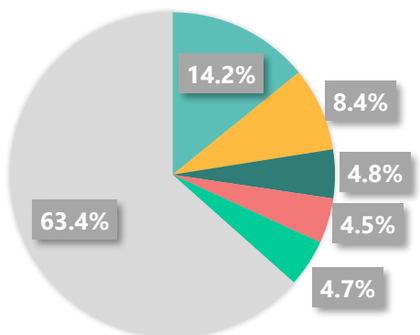


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

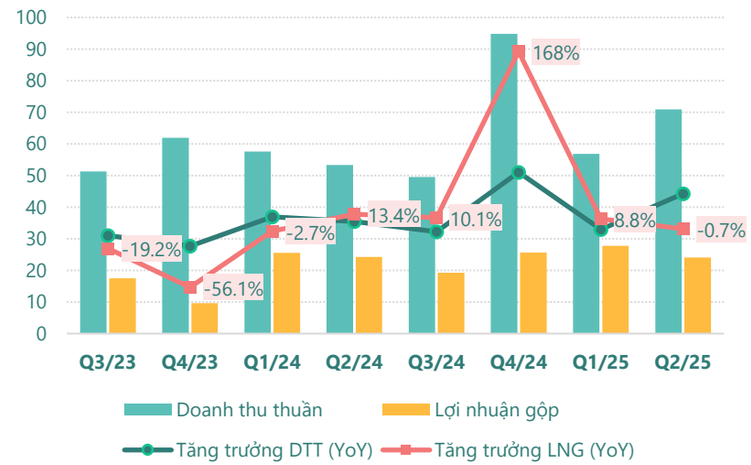


Lê Như Ngọc
Mai Anh Tám (Chủ tịch HĐQT)
Trần Thị Thu Hiền
Nguyễn Văn Sơn (Tổng giám đốc)
Nguyễn Hồng Thái
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

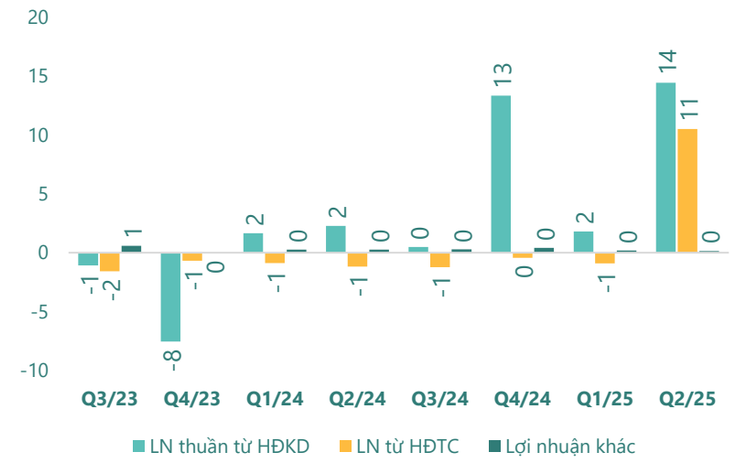
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



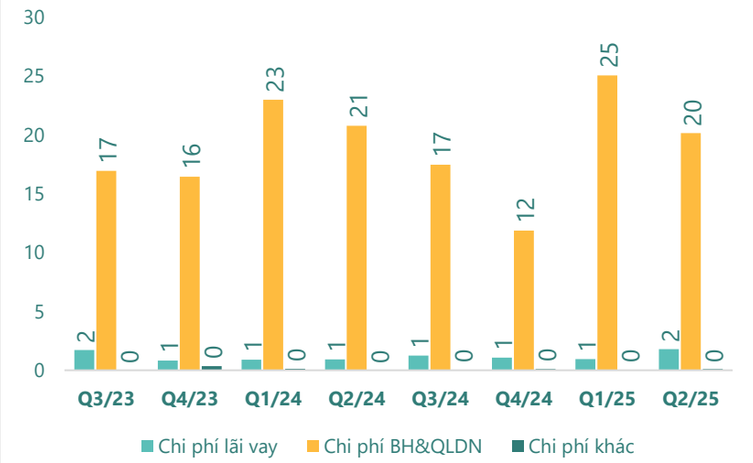
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



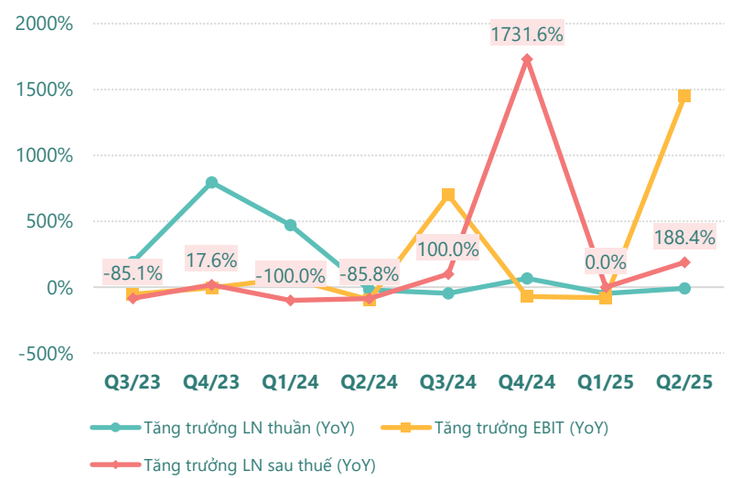
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



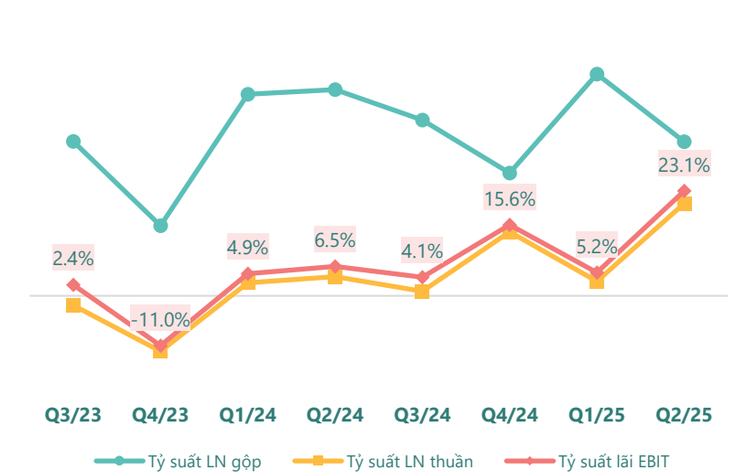
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



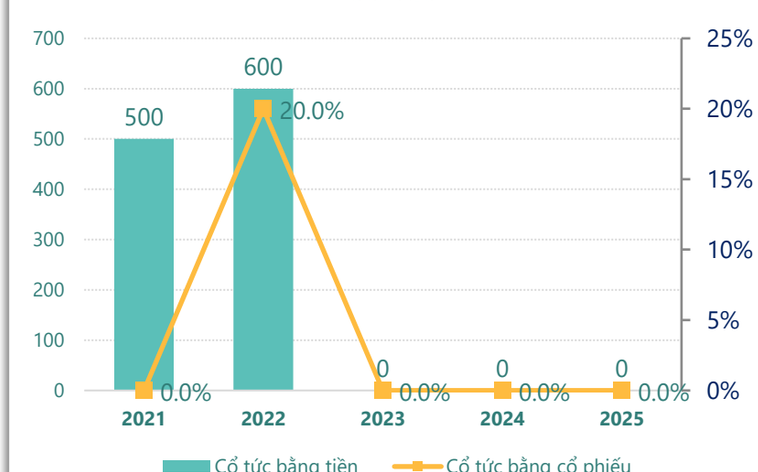
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

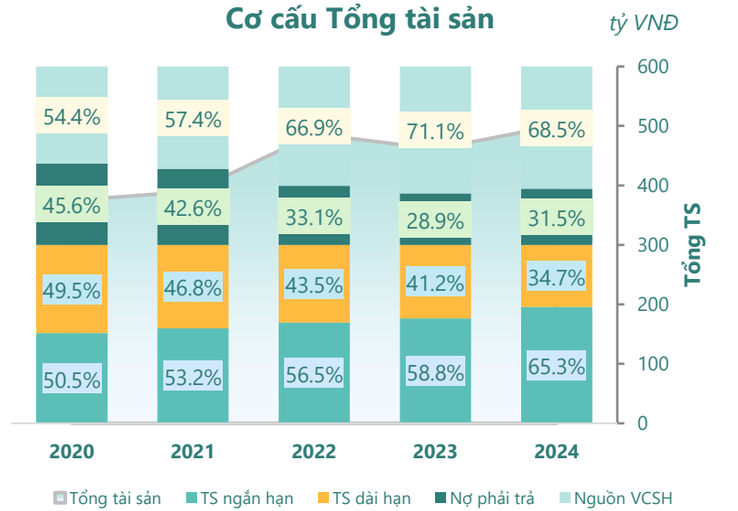
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

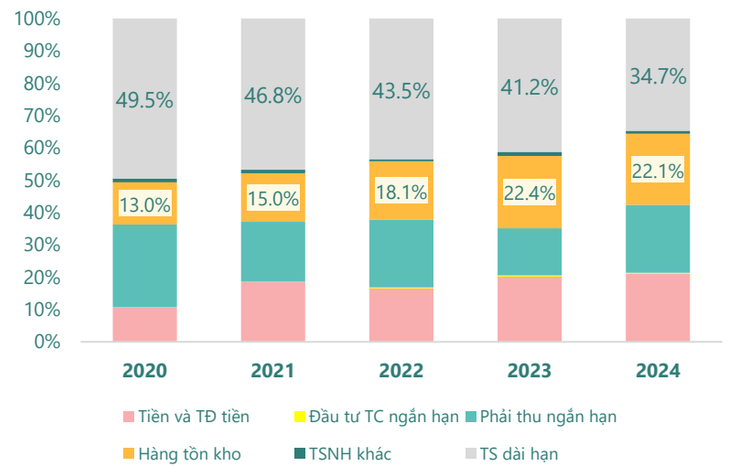
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



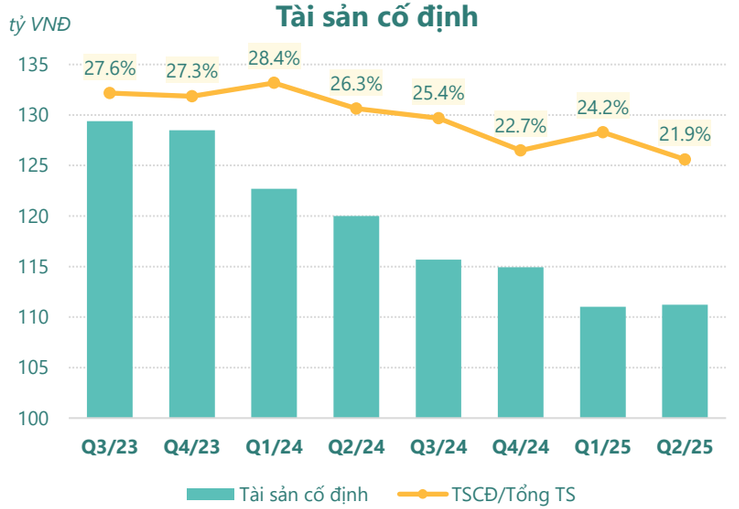
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



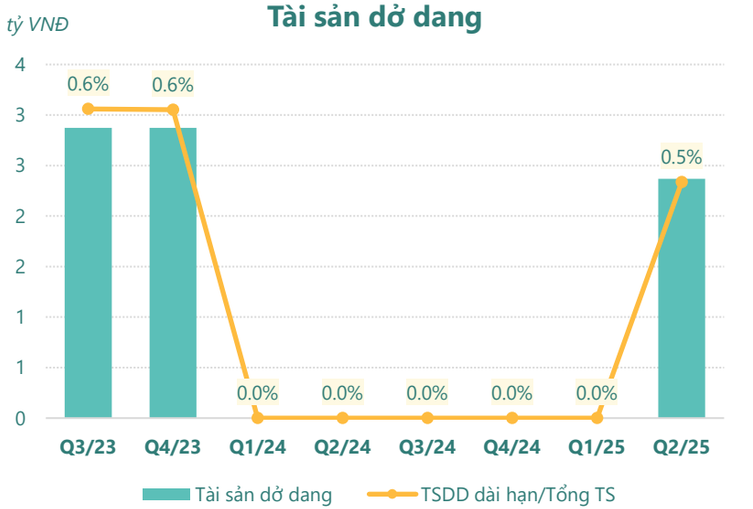
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



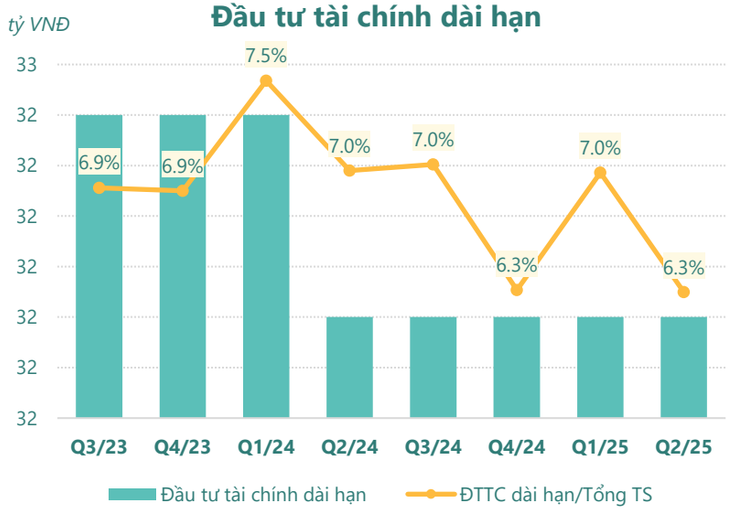
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



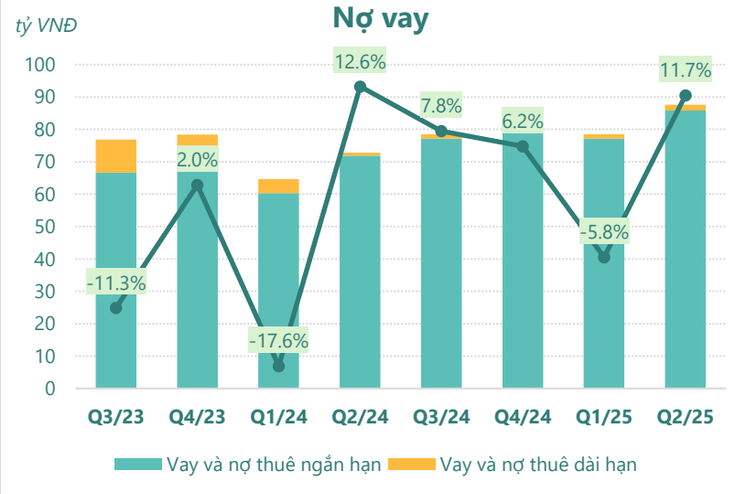
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

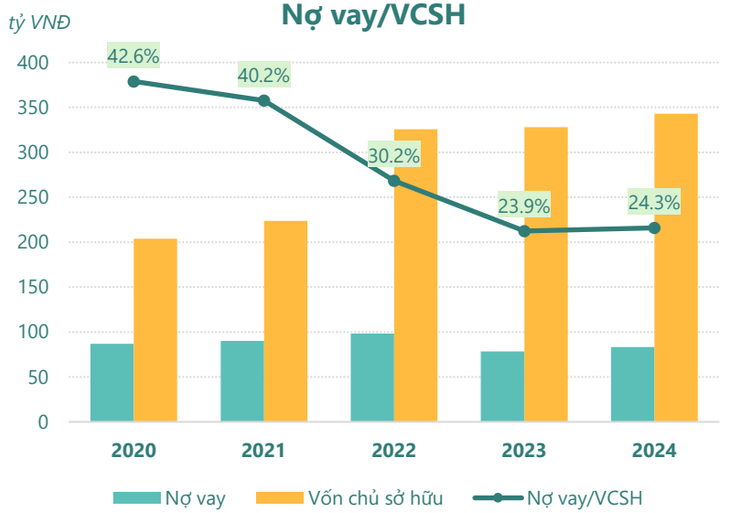
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

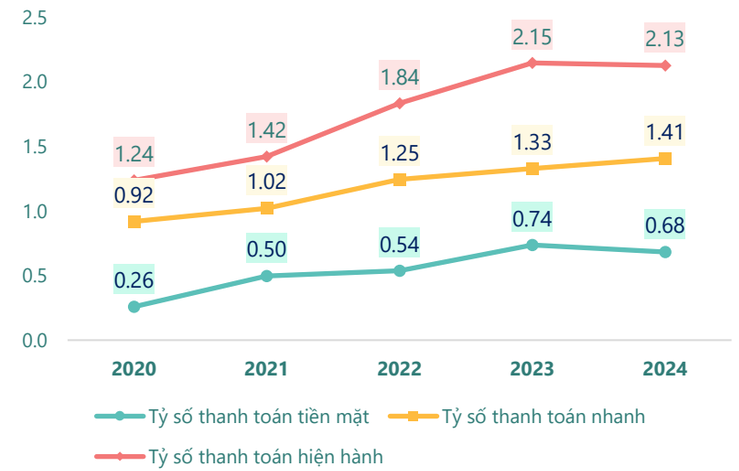
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



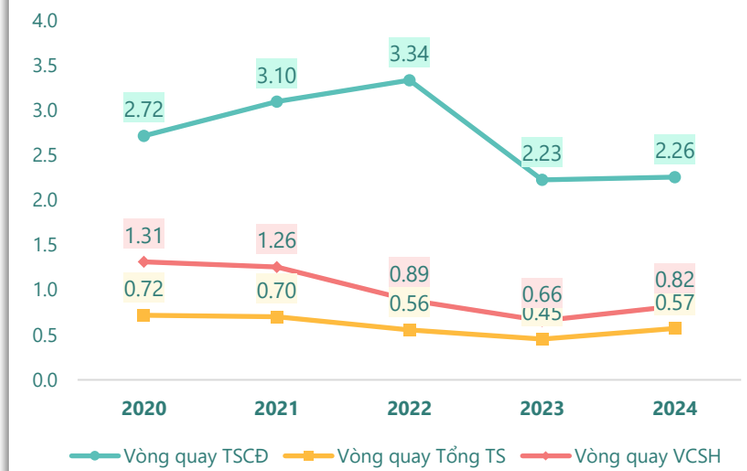
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



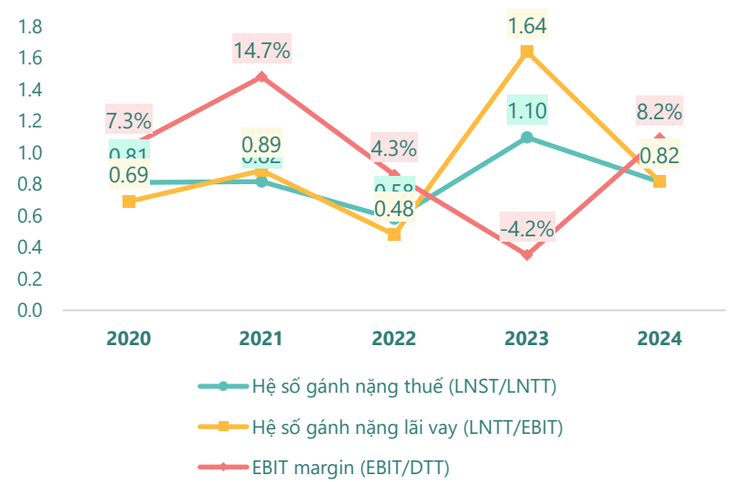
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



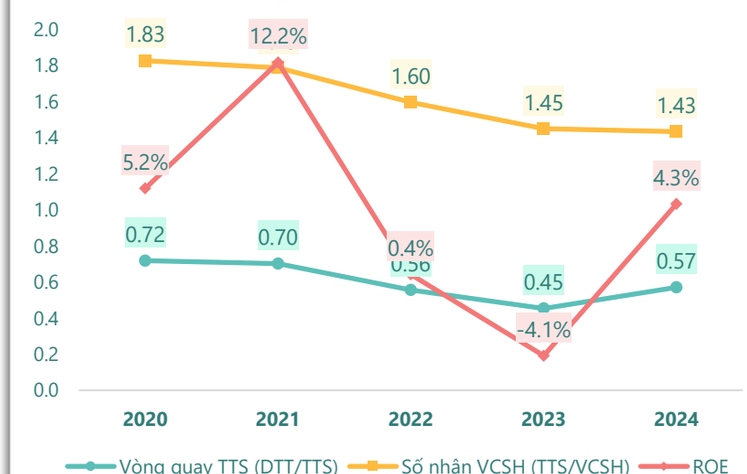
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



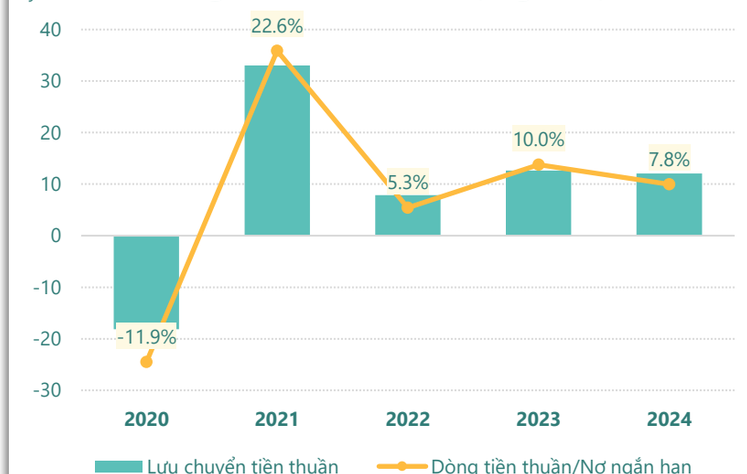
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**70.9**	**53.4**	**32.8%**	**128**	**111**	**15.2%**
Giá vốn hàng bán	46.8	29.1	60.8%	75.9	61.1	24.1%
Lợi nhuận gộp	24.1	24.3	-0.8%	51.9	49.8	4.2%
Doanh thu HĐTC	12.3	0.01	123078%	12.3	0.02	77378%
Chi phí TC	1.81	1.20	50.7%	2.75	2.10	31.3%
Chi phí lãi vay	1.81	0.93	94.4%	2.75	1.83	50.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	13.8	15.4	-10.4%	33.3	33.1	0.5%
Chi phí QLDN	**6.37**	**5.35**	**19.1%**	**11.9**	**10.7**	**11.7%**
LN thuần từ HĐKD	14.4	2.27	536%	16.3	3.92	314%
Lợi nhuận khác	**0.14**	**0.25**	**-43.9%**	**0.32**	**0.51**	**-37.2%**
LN trước thuế	14.6	2.52	479%	16.6	4.43	274%
Lợi nhuận sau thuế	**15.2**	**3.07**	**394%**	**16.8**	**4.98**	**237%**
LNST của CĐ cty mẹ	**14.7**	**2.49**	**489%**	**16.1**	**4.03**	**299%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-61.5	23.2	-39.3	81.4	-82.8	16.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.37	-5.24	4.27	0.87	-0.81	22.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-13.8	8.16	5.70	4.84	-4.84	9.16
Tiền đầu kỳ	93.1	20.2	46.4	17.0	105	16.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-72.9**	**26.2**	**-29.3**	**87.1**	**-88.5**	**48.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.2	46.4	17.0	104	16.6	65.3

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**507**	**501**	**1.2%**
Tài sản ngắn hạn	352	327	7.8%
Tiền và tương đương tiền	65.3	105	-37.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.73	1.70	1.9%
Phải thu ngắn hạn	175	105	66.3%
Hàng tồn kho	102	111	-7.3%
Tài sản ngắn hạn khác	8.09	4.32	87.4%
Tài sản dài hạn	**155**	**174**	**-11.2%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	111	115	-3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.37	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	32.0	32.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**8.92**	**14.2**	**-37.3%**
Lợi thế thương mại	0	12.8	-100%
Nợ phải trả	148	158	-6.3%
Nợ ngắn hạn	**144**	**154**	**-6.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	85.8	82.0	4.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	40.1	45.3	-11.6%
Nợ dài hạn	3.45	4.15	-17.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.78	1.33	34.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**359**	**343**	**4.7%**
Vốn chủ sở hữu	**359**	**343**	**4.7%**
Vốn điều lệ	276	276	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)